TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2020/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 19 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 579/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Hồng T và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 30 tháng 12 năm 2015, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 02 năm 2020, ông T và bà C xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông T và bà C thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung: Quá trình sống chung với nhau vợ chồng ông T và bà C có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn R, sinh ngày 21/02/2016. Vợ chồng thỏa thuận, giao cho bà C trực tiếp nuôi cháu R đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 03/2020 cho đến khi cháu R trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Thỏa thuận này là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Phạm Hồng T và bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Hồng T và bà Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Phạm Hồng T và bà Nguyễn Thị C thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Quá trình sống chung với nhau vợ chồng ông T và bà C có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn R, sinh ngày 21/02/2016. Căn cứ vào sự thỏa thuận giữa bà C và ông T, nay giao cho bà C trực tiếp nuôi cháu R đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không có ai được quyền cản trở ông thực hiện quyền này.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi cháu R mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 03/2020 cho đến khi cháu R trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Phạm Hồng T và bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0004005 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nên ông T và bà C đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- UBND Uỷ ban nhân dân phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thái